

JOHN GALSWORHY

BIÊN NIÊN SỬ FORSYTE

TẬP 1: CON NGƯỜI TƯ HỮU



Tặng vợ tôi:

Tôi xin dâng tặng toàn bộ “Biên niên sử Forsyte” – bởi trong tất cả các tác phẩm của tôi, đây hẳn là tác phẩm ít xứng đáng nhất với người mà, nếu không có sự khích lệ, sự đồng cảm và những lời góp ý của nàng, tôi sẽ không bao giờ có thể trở thành một nhà văn như hôm nay.

LỜI GIỚI THIỆU CỦA DỊCH GIẢ

Năm 1932, John Galsworthy (1867–1933) được trao **Giải Nobel Văn chương** “vì những mô tả nghệ thuật xuất sắc về đời sống xã hội đương thời và tài năng độc đáo trong việc khắc họa các nhân vật”. Trong dòng chảy văn học Anh đầu thế kỷ XX, ông được ghi nhận như một trong những cây bút hiện thực lớn, bên cạnh Thomas Hardy và Joseph Conrad. Trong toàn bộ sự nghiệp, **Biên niên sử Forsyte** (*The Forsyte Saga*) được xem là tác phẩm tiêu biểu, để lại dấu ấn bền vững nhất.

Bộ truyện gồm ba tập chính – *Con người tư hữu* (1906), *Trong vòng kiên tụng* (1920), *Cho thuê* (1921) – cùng hai thiên truyện ngắn xen kẽ: *Mùa hè Ấn Độ của một Forsyte* (1918) và *Thức tỉnh* (1920). Cấu trúc đặc biệt này khiến tác phẩm giống như một tâm thâm lớn: vừa chặt chẽ, vừa vang

vọng, phản chiếu sự biến động của cả một giai tầng xã hội trong hơn ba thập kỷ.

Cốt lõi của thiên truyện là “ý thức sở hữu” – bản năng chiếm hữu không chỉ về vật chất mà còn về tình cảm, con người. Nổi bật trong đó là hình bóng Soames Forsyte – một nhân vật bi kịch: không hẳn xấu xa, nhưng cũng không thể được yêu. Đối diện ông là Irene – biểu tượng của cái Đẹp tự do, không thể bị trói buộc. Khoảng cách không thể hàn gắn giữa họ tạo nên mâu thuẫn xuyên suốt ba tập sách, đồng thời hé lộ một nghịch lý: chính khi cố nắm giữ, con người lại đánh mất tất cả.

Galsworthy không viết sử thi anh hùng, mà viết về một gia đình thượng trung lưu – giàu có, thành đạt nhưng luôn bất an trước bóng dáng tan rã. Những Forsyte trong Con người tư hữu hiện diện trong hào quang của thời Victoria, nhưng sang Trong vòng kiện tụng, chính họ phải đối diện với tòa án, ly hôn, tranh chấp. Đến Cho thuê, thế hệ trẻ

(Fleur, Jon) xuất hiện, mang theo hy vọng mới nhưng vẫn bị định mệnh trói buộc bởi di sản của cha mẹ. Hai thiên truyện xen kẽ (Mùa hè Ấn Độ và Thức tỉnh) như những khoảng lặng: dịu dàng, nhân hậu nhưng cũng báo trước bi kịch.

*Độc **Biên niên sử Forsyte** hôm nay, độc giả Việt Nam không chỉ bắt gặp bức tranh xã hội Anh hơn một thế kỷ trước, mà còn soi thấy tấm gương của nhân loại. Bởi bản năng chiếm hữu, khát vọng tự do và sự va chạm với cái Đẹp vốn không xa lạ với chúng ta. Như chính Galsworthy từng viết trong Lời nói đầu năm 1922: “Bản chất con người, dưới mọi lớp vỏ bọc thay đổi theo thời, vẫn là – và có lẽ mãi mãi sẽ là – một Forsyte.”*

Bản dịch này được thực hiện với mong muốn mang lại cho độc giả trải nghiệm trọn vẹn và gần gũi, đồng thời vẫn giữ tinh thần nguyên tác. Ngay sau đây, chúng tôi xin giới thiệu Lời nói đầu (1922) của John Galsworthy – văn bản trong đó tác giả tự

lý giải nhan đề, tinh thần và dụng ý của toàn bộ bộ sách. Đây chính là chiếc chìa khóa để độc giả bước vào thế giới Forsyte – một thế giới vừa quen thuộc, vừa xa xôi, nơi ánh sáng của cái Đẹp mãi mãi đối chọi với bóng tối của sự chiếm hữu, và cũng là tác phẩm góp phần đem lại cho Galsworthy Giải Nobel Văn chương năm 1932.

LỜI NÓI ĐẦU

“Biên niên sử dòng họ Forsyte” vốn dĩ là nhan đề ban đầu dành cho phần được gọi là *Con người tư hữu*; việc áp dụng nó cho toàn bộ thiên truyện về gia tộc Forsyte chẳng qua cũng chiều theo cái thói buống binh rất... Forsyte nơi mỗi chúng ta. Có thể có người phản đối việc dùng chữ *Saga* (biên niên sử), vì nó gợi lên không khí anh hùng, trong khi những trang sách này lại ít chất anh hùng. Song từ ấy được tác giả sử dụng với một chút mỉa mai; và xét cho cùng, thiên truyện này, tuy xoay quanh những con người mặc áo đuôi tôm, váy diềm xếp của một thời đại dát vàng, nhưng không hề thiếu đi sức nóng của xung đột.

Nếu gạt bỏ cái dáng vẻ đồ sộ và khát máu của thời xa xưa như ta biết qua truyền thuyết, thì hẳn những nhân vật trong những “biên niên sử cổ” ấy cũng chính là Forsyte: mang bản năng chiếm hữu, dễ bị khuất phục bởi sắc đẹp và đam mê, chẳng

khác gì Swithin, Soames hay cả Jolyon trẻ. Và nếu những anh hùng trong thuở “chưa từng có” ấy có vẻ nổi bật một cách khác thường so với bối cảnh, thì ta vẫn có thể chắc rằng bản năng bộ lạc luôn là động lực chính, còn gia đình – mái ấm và tài sản – thì vẫn quan trọng như hôm nay, bất chấp mọi nỗ lực gài dây nhằm “phủ nhận” chúng.

Rất nhiều người đã viết, đã khẳng định rằng gia đình họ chính là nguyên mẫu của Forsyte, đến nỗi độc giả gần như có thể tin rằng đây là một “giống loài tượng tượng” mang tính điển hình. Phong tục đổi thay, thời thế cũng đổi thay và “nhà Timothy ở đường Bayswater” trở thành một tổ chim khó tin về mọi mặt, trừ những điều cốt lõi. Ngày nay, chúng ta khó còn bắt gặp những James hay cụ Jolyon. Thế nhưng, các bảng thống kê bảo hiểm và những lời phán quyết hằng ngày của tòa án vẫn nhắc nhở rằng “thiên đường trần thế” của chúng ta vẫn còn là một khu bảo tồn mâu mờ, nơi Sắc đẹp

và Đam mê – những kẻ đột nhập hoang dại – lừng lữ luôn vào, đánh cắp sự an toàn ngay trước mắt ta. Cũng như chú chó không thể không sủa khi nghe tiếng kèn đồng, cái chất Soames trong con người ta sẽ luôn bất an mỗi khi sự tan rã lảng vảng quanh những nếp gấp của quyền sở hữu.

“Hãy để quá khứ chôn vùi chính nó” – câu nói ấy hẳn đã hay hơn nhiều nếu quá khứ thực sự có thể chết. Song cái dai dẳng của quá khứ lại chính là một ân huệ vừa bi vừa hài của lịch sử: mỗi thời đại mới đều phủ nhận nó, tự tin bước lên sân khấu và hùng hồn tuyên bố sự “tân kỳ” tuyệt đối của mình. Nhưng kỳ thực, chẳng có thời nào hoàn toàn mới mẻ cả! Bản chất con người, dưới mọi lớp vỏ bọc và tư tưởng phù phiếm thay đổi theo thời, vẫn là – và có lẽ mãi mãi sẽ là – một Forsyte; thậm chí đôi khi còn tệ hơn.

Nhìn lại thời Victoria – thời kỳ thịnh vượng, suy tàn rồi “sụp đổ” – được phân nào khắc họa

trong thiên truyện này, nay ta thấy chỉ như vừa thoát khỏi chảo lửa mà rơi ngay vào than hồng. Khó có thể chứng minh rằng nước Anh năm 1913 tốt đẹp hơn năm 1886, khi đại gia đình Forsyte tề tựu mừng lễ đính hôn của June với Philip Bosinney. Và đến năm 1920, khi họ lại tụ họp để chúc phúc cho Fleur và Michael Mont, thì tình cảnh nước Anh hẳn cũng rồi ren, kiệt quệ chẳng khác gì thời tám mươi thừa mứa và trì trệ.

Nếu những trang này là một công trình nghiên cứu xã hội học về biến chuyển thời đại, hẳn tác giả đã tập trung vào những yếu tố như: phát minh xe đạp, xe máy, máy bay; báo chí bình dân; sự tàn lụi của đời sống nông thôn và sự phình nở của đô thị; hay sự ra đời của điện ảnh. Nhưng con người vốn không thể kiểm soát các phát minh của chính mình – họ chỉ học cách thích nghi với điều kiện mới do chính những phát minh ấy tạo ra.

Thực ra, thiên truyện này không nhằm nghiên cứu khoa học về một thời kỳ, mà giống như một hiện thân sống động của những xáo trộn do Cái Đẹp gây nên trong đời sống con người.

Hình bóng Irene – như độc giả nhận thấy – chưa bao giờ xuất hiện trực tiếp, mà luôn qua ánh nhìn của những nhân vật khác, chính là sự cụ thể hóa Vẻ Đẹp ấy: một Vẻ Đẹp khuấy đảo thế giới đầy chiếm hữu.

Độc giả có thể thấy, càng đi sâu trong truyện, họ càng thương cảm Soames và tưởng như điều đó trái với ý tác giả. Nhưng không! Chính tác giả cũng thương cảm Soames. Bi kịch của ông thật đơn giản: một con người không được yêu, mà lớp vỏ tâm hồn lại không đủ dày để che chở khỏi sự thật ấy. Ngay cả Fleur cũng chẳng yêu ông như ông cảm thấy mình xứng đáng được yêu. Nhưng thương hại Soames, nhiều độc giả lại oán trách Irene: xét cho

cùng, ông đâu phải kẻ xấu, đó đâu phải lỗi của ông; lẽ ra bà nên tha thứ cho ông, v.v...

Song đứng về một phía, họ đã bỏ lỡ cái nền tảng của toàn bộ câu chuyện: khi sự hấp dẫn giới tính tuyệt đối không tồn tại ở một trong hai người kết hợp, thì không một chút thương hại, lý trí hay bồn phận nào có thể vượt qua nỗi ghê sợ vốn có trong Tự nhiên. Dù nên thế hay không, thực tế nó vẫn luôn như thế. Và khi Irene trở nên cứng rắn, thậm chí tàn nhẫn – như tại Bois de Boulogne hay phòng tranh Goupil – thì đó chỉ là sự thực tế khôn ngoan: bà hiểu rằng một nhượng bộ nhỏ thôi cũng mở đường cho cái không thể chịu đựng được.

Có người phê phán đoạn kết, rằng Irene và Jolyon – những kẻ phản kháng chống lại chiếm hữu – rốt cuộc lại áp đặt quyền sở hữu tinh thần lên con trai mình, Jon. Nhưng xét theo mạch truyện, đó là phê bình quá lời. Không cha mẹ nào có thể để con mình cưới Fleur mà không biết sự thật. Chính sự

thật đã quyết định số phận Jon, chứ không phải sự thuyết phục của cha mẹ. Jolyon chỉ nói thay cho Irene; còn Irene, lời bà luôn chỉ là: “Đừng nghĩ đến mẹ, hãy nghĩ đến con!” Và việc Jon, sau khi biết sự thật, có thể đồng cảm với mẹ, khó thể coi là bằng chứng rằng bà cũng là một Forsyte.

Dù mỗi bận tâm chủ yếu của thiên truyện là sự va chạm giữa Cái Đẹp và Khát vọng Tự do với thế giới chiếm hữu, nó không thoát khỏi lời cáo buộc đã “ướp xác” tầng lớp thượng trung lưu. Như người Ai Cập xưa đặt quanh xác ướp những vật dụng cho đời sau, tác giả cũng đã đặt quanh Di Ann, Di Juley, Di Hester, Timothy, Swithin, cụ Jolyon, James và con cháu họ những chi tiết đời thường để họ còn “hương liệu dịu dàng” cho sự sống hậu thế, giữa một “tiền bộ” hồi hải đang phân rã.

Nếu tầng lớp thượng trung lưu – cùng các giai tầng khác – định mệnh là tan vào một hình thức vô định, thì ở đây, nó được ngâm trong những trang

sách này, như trong một bảo tàng văn học. Ở đây, nó yên nghỉ, được lưu giữ trong chính tinh chất của nó: **ý thức sở hữu**.

1922

John Galsworthy

BIÊN NIÊN SỬ
FORSYTE

TẬP 1. CON NGƯỜI
TƯ HỮU

Tác giả: John Galsworthy

“...Người sẽ trả lời:

Những nô lệ là của chúng ta...”

— Người lái buôn thành Venice

Đề tặng

Tặng Edward Garnett

PHẦN I. CHƯƠNG I – TẠI NHÀ CỤ JOLYON

Những ai từng có may mắn được dự một buổi lễ gia đình của dòng họ Forsyte hẳn đã chứng kiến một cảnh tượng vừa duyên dáng vừa đáng để suy ngẫm: một gia đình trung lưu trong dáng vẻ trung diện lộng lẫy nhất. Nhưng bất kỳ ai trong số đó lại có năng khiếu quan sát tâm lý – một tài năng chẳng mang lại giá trị tiền bạc và thường bị người Forsyte khinh thường đúng mực – ắt hẳn sẽ thấy đây không chỉ là một cảnh tượng thú vị tự thân, mà còn là minh họa cho một nghịch lý muôn đời của con người. Nói đơn giản, từ cuộc sum họp ấy – nơi chẳng nhánh nào ưa nhánh nào khác, nơi ba người khó mà có chút đồng cảm thực sự – ông ta sẽ rút ra được bằng chứng về sức mạnh bền bỉ, cụ thể, bí ẩn, khiến gia đình trở thành một đơn vị xã hội đáng gờm: một bản sao thu nhỏ mà sắc nét của xã hội. Người ấy như nhìn thấy con đường quanh co của

tiến bộ loài người, thấy được chút hình dung về đời sống gia trưởng, về những cuộc bùng nổ của các bộ lạc man rợ, về sự thịnh suy của các dân tộc. Ông ta giống như người đã dõi theo một cái cây từ khi mới gieo, để rồi thấy nó, nhờ sức sống và sự kiên trì vượt lên trên hàng trăm cây kém dẻo dai, vươn cao, tán lá um tùm, phô bày một sự thịnh vượng đến mức gần như đáng ghét.

Ngày 15 tháng Sáu năm 1886 vào khoảng bốn giờ chiều, một người tình cờ có mặt tại tư gia cụ Jolyon Forsyte ở phố Stanhope Gate hẳn đã thấy tận mắt sự phồn vinh rực rỡ của cả dòng họ Forsyte.

Dịp ấy là buổi trà chiều chúc mừng lễ đính hôn của cô June Forsyte – cháu gái cụ Jolyon – với chàng kiến trúc sư Philip Bosinney. Trong ánh sáng lấp lánh của găng tay nhạt màu, áo ghi-lê vàng sậm, mũ lông và những tấm váy áo, cả gia đình đều hiện diện – ngay cả dì Ann, người vốn hiếm khi rời chiếc ghế bành trong phòng khách màu xanh lục của anh

traí Timothy, nơi bà ngồi suốt ngày đọc và đan, dưới bóng chùm cỏ pampas nhuộm màu trong chiếc bình men xanh nhạt, xung quanh là chân dung ba thế hệ Forsyte. Sự có mặt của di, với tấm lưng thẳng tắp và gương mặt già nua điềm tĩnh, như hiện thân cho tinh thần chiếm hữu cứng cỏi của truyền thống gia tộc.

Khi một người Forsyte đính hôn, thành hôn, hay chào đời, cả dòng họ đều tụ họp; còn cái chết ư – dường như họ chưa từng biết đến. Người Forsyte không chết: cái chết đi ngược với nguyên tắc của họ. Họ né tránh nó, bằng tất cả bản năng của những kẻ tràn trề sinh lực, giận dữ trước sự xâm phạm đến tài sản của mình.

Chiều hôm ấy, giữa đám khách khứa, người Forsyte xuất hiện còn chần chừ hơn thường lệ, mang vẻ tự tin, dò xét và sự chững chạc sáng ngời, như thể chính trang phục của họ là một lời thách thức gửi đến ai đó. Cái nhú mào cổ hữu trên mặt

Soames Forsyte dường như lan tỏa khắp họ hàng; tất cả đều cảnh giác.

Chính thái độ vô thức này đã biến “ngôi nhà” của cụ Jolyon thành một khoảnh khắc tâm lý then chốt trong lịch sử gia đình – khúc dạo đầu cho tấn bi kịch của họ.

Những người Forsyte hôm ấy dường như cùng chia sẻ một nỗi phẫn uất – không phải riêng lẻ từng cá nhân, mà như cả một dòng họ. Nó bộc lộ qua sự trau chuốt thái quá trong y phục, qua tình thân biểu lộ có phần nồng nàn quá mức, qua sự phóng đại tầm quan trọng của gia tộc – và qua chính cái vẻ “khịt mũi” cố hữu ấy. Hiểm nguy – yếu tố không thể thiếu để bộc lộ bản chất của bất kỳ xã hội, tập thể hay cá nhân nào – chính là điều người Forsyte ngửi thấy. Linh cảm về hiểm nguy đã đánh bóng lớp áo giáp của họ. Lần đầu tiên, như một gia tộc, họ dường như có bản năng nhận biết rằng mình đang đối diện với điều gì đó xa lạ và bất trắc.

Đôi diện cây đàn piano đứng sừng sững một người đàn ông to lớn, vạm vỡ, trên ngực mặc liền hai chiếc áo ghi-lê, thêm một chiếc ghim hồng ngọc – thay cho bộ sa-tanh và ghim kim cương quen thuộc. Gương mặt vuông vức, cạo nhẵn, nước da rám nhạt, đôi mắt cũng nhạt màu, dưới chiếc cà vạt sa-tanh nghiêm trang, tất cả toát lên vẻ trịnh trọng. Đó là **Swithin Forsyte**.

Gần cửa sổ, nơi có thể hít thở thêm chút khí trời, là người anh em sinh đôi của ông – James. Cụ Jolyon vẫn gọi hai người: “một béo, một gầy.” Giống Swithin ở vóc cao hơn sáu feet, nhưng James gầy guộc, như thể số phận sắp đặt để giữ cân bằng. Dáng người khom khom, ánh mắt xám đậm chiều, nỗi lo âu âm thầm thoáng lóe lên trong những cái nhìn nhanh, dò xét xung quanh. Gương mặt hốc hác với hai nếp nhăn song song, môi trên dài, ria mép kiểu Dundreary bao quanh, tất cả gợi

nên một nỗi bất an kín đáo. Trong tay, ông xoay xoay một món đồ sứ.

Không xa đó, lắng nghe một quý bà trong chiếc áo nâu, là con trai duy nhất của James – **Soames**. Nét mặt tái nhợt, cạo râu nhẵn nhụi, mái tóc đen đã lộ dấu hói, cằm hơi hắt, chiếc mũi hếch cùng vẻ khinh khỉnh quen thuộc, như thể ông đang khinh miệt một quả trứng mà chính mình biết sẽ chẳng bao giờ nuốt nổi.

Sau lưng Soames là **George**, người anh em họ cao kều – con trai Roger, Forsyte thứ năm. Gương mặt đầy đặn mang vẻ tinh quái, như thể gọi bóng dáng lão Quilp và đôi mắt mãi miết nghiền ngẫm một câu đùa châm biếm nào đó vừa nảy ra.

Không khí của dịp này như có tác động chung đến tất cả họ.

Ngồi sát cạnh nhau thành hàng là ba quý bà: **Đi Ann**, **đi Hester** (hai chị em còn ở vậy) và **đi Juley**

(Julia) – người, khi đã qua tuổi xuân, có phần nông nổi mà lấy chồng là Septimus Small, một người đàn ông yếu ớt và đã sớm qua đời. Nay bà sống cùng hai chị em gái trong nhà của Timothy – người em út – trên đường Bayswater. Trên tay mỗi người là một chiếc quạt và mỗi người, với điểm xuyết nhỏ nhoi: chiếc lông vũ, cây trầm cài, cũng đều thể hiện vẻ trang trọng của buổi lễ.

Ở giữa phòng, dưới ánh đèn chùm, hiên ngang trong tư thế chủ nhà, là **cụ Jolyon** – người đứng đầu gia tộc. Ở tuổi tám mươi, với mái tóc bạc trắng tuyệt đẹp, vầng trán cao, đôi mắt xám đậm, bộ ria trắng buông dài bao quanh cái hàm chắc nịch, cụ toát lên uy nghi của một tộc trưởng. Dù má hóp, thái dương hằn trũng, cụ vẫn giữ được vẻ thanh xuân nào đó; dáng đứng thẳng, đôi mắt sáng và vững chãi của cụ tạo nên ấn tượng vượt lên trên mọi ngờ vực, ác cảm tầm thường. Đã quen làm theo ý mình suốt bao năm, cụ giành được cho mình cái

quyền bất thành văn ấy. Khác với các em, cụ chưa bao giờ cảm thấy cần thiết phải giấu sự hoài nghi hay thách thức.

Giữa cụ và bốn người em còn lại – James, Swithin, Nicholas, Roger – vừa có những điểm dị biệt, vừa có những nét chung. Mỗi người rất khác nhau, nhưng trong năm gương mặt ấy vẫn hiện lên cùng một dấu ấn: chiếc cằm cứng cỏi, dấu hiệu đặc trưng của dòng họ, sâu xa đến nỗi khó lần về nguồn gốc, mơ hồ nhưng bền vững, bảo chứng cho vận mệnh gia tộc.

Trong thế hệ trẻ, dấu ấn ấy cũng dễ nhận ra: ở George cao lớn vạm vỡ như một con bò mộng, ở Archibald xanh xao gầy gò, ở Nicholas trẻ với cái bướng bỉnh vừa ngọt ngào vừa do dự, ở Eustace nghiêm nghị và bảnh bao quá mức. Ít rõ nét hơn, nhưng không thể lẫn. Vào một lúc trong buổi chiều hôm ấy, tất cả những khuôn mặt – vừa khác biệt, vừa giống nhau – đều toát lên vẻ ngờ vực, đối

tượng chắc chắn là người đàn ông mà họ đến để làm quen: **Philip Bosinney**.

Người ta biết chàng kiến trúc sư trẻ này không có gia sản. Nhưng chuyện con gái Forsyte đính hôn, thậm chí kết hôn với một kẻ như vậy, xưa nay chẳng phải hiếm. Vậy thì nỗi bất an của họ không hẳn vì lý do ấy. Nó đến từ điều gì mơ hồ hơn – một làn sương lờ mờ lan trong gia tộc.

Người ta kể rằng chàng đã đến chào các dì Ann, Juley và Hester với một chiếc mũ mềm xám – lại còn là mũ cũ, méo mó.

– Thật kỳ quặc, con yêu à – kỳ quặc quá! – dì Hester nói. Vốn cận thị, khi đi ngang qua hành lang nhỏ tối tăm, bà đã có “đuôi” nó khỏi ghé, tưởng là một con mèo lạ xấu xí. Bà bối rối khi nó chẳng hề nhúc nhích.

Và, như những nghệ sĩ vô thức luôn nhạy cảm với chi tiết nhỏ chứa đựng tinh thần sự vật, người

Forsythe lập tức nhận ra chiếc mũ ấy. Nó trở thành dấu hiệu then chốt của toàn bộ câu chuyện. Bởi ai nấy đều thăm hỏi:

– Liệu ta có đội chiếc mũ như thế để đi thăm hỏi không?

Và ai nấy đều tự đáp:

– Không!

Một vài người, giàu tưởng tượng hơn, còn thêm:

– Ta sẽ chẳng bao giờ nghĩ đến chuyện ấy!

George, khi nghe câu chuyện, cười toe toét. Rõ ràng chiếc mũ đã được đội như một trò đùa tinh quái! Bản thân anh ta cũng là một kẻ sành sỏi về những trò ấy.

– Kiêu căng thật! – anh ta nói – Gã Hải Tặc hoang dã.

Và từ chế giễu ấy, “Hải Tặc”, được truyền miệng từ người này sang người khác, cho đến khi nó trở thành cách gọi ưa thích mỗi khi nhắc đến Bosinney.

Các dì của June sau đó đã trách móc cô về chuyện chiếc mũ.

– Chúng ta nghĩ cháu không nên để anh ta làm vậy, cháu yêu à.

June đáp lại theo cái cách nhanh nhẹn, hách dịch thường lệ, đúng khí chất độc đoán bẩm sinh của cô:

– Ô! Có gì quan trọng đâu! Phil chẳng bao giờ biết mình đang mặc gì trên người cả!

Không ai tin vào một câu trả lời ngông cuồng đến vậy. Một người đàn ông mà lại không biết mình mặc gì ư? Không, không thể nào! Rốt cuộc thì anh chàng trẻ tuổi này là ai, mà khi đính hôn với June – người thừa kế được công nhận của ông lão Jolyon

– lại được xem là may mắn đến thế? Anh ta là một kiến trúc sư, nhưng bản thân điều đó chẳng đủ để biện minh cho việc đội một chiếc mũ như thế. Không ai trong gia tộc Forsyte là kiến trúc sư, nhưng có một người quen biết hai kiến trúc sư và họ chắc chắn sẽ không bao giờ đội một chiếc mũ như vậy khi đi thăm viếng xã giao trong mùa lễ hội London.

Nguy hiểm – à, thật nguy hiểm! Tất nhiên June không nhận ra điều đó, nhưng dù chưa tròn mười chín tuổi, cô đã nổi tiếng là ngang bướng. Chẳng phải cô từng nói với bà Soames – người lúc nào cũng ăn mặc đẹp đẽ – rằng lông vũ là quê mùa hay sao? Bà Soames thực sự đã từ bỏ việc đeo lông vũ, bởi June thân yêu quá thẳng thắn, quá quyết liệt!

Những mối nghi ngại, sự phản đối và ngờ vực hoàn toàn chân thành ấy không ngăn được dòng họ Forsyte tụ họp theo lời mời của ông lão Jolyon. Một buổi “họp mặt” tại Stanhope Gate là một điều hiếm

hoi; đã mười hai năm rồi chưa có buổi nào, kể từ khi bà lão Jolyon qua đời.

Chưa bao giờ có một cuộc hội họp đông đủ đến thế, bởi một cách bí ẩn, bất chấp mọi khác biệt, họ đồng lòng chống lại một mối nguy hiểm chung. Giống như đàn gia súc khi có chó vào đồng, họ đứng sát đầu sát vai, sẵn sàng xông lên chà đạp kẻ xâm lược đến chết. Họ đến, tất nhiên, cũng để nắm bắt được phần nào những món quà mà cuối cùng họ sẽ phải tặng; bởi mặc dù vấn đề quà cưới thường được cân nhắc theo kiểu: “Anh định tặng gì? Nicholas tặng thìà đấy!” – thì rất nhiều lại phụ thuộc vào chú rể. Nếu anh ta bóng bẩy, chải chuốt kỹ lưỡng, trông có vẻ thịnh vượng, thì việc tặng những món đồ đẹp để càng cần thiết hơn; anh ta sẽ mong đợi điều đó. Cuối cùng, mỗi người đều tặng đúng những gì phải phép và thích hợp, bằng một kiểu điều chỉnh gia đình đạt được giống như cách giá cả được xác định trên Sàn Giao dịch Chứng

khoán – những chi tiết chính xác được định đoạt tại dinh thự gạch đỏ rộng rãi của Timothy ở Bayswater, nhìn ra Công viên, nơi các dì Ann, Juley và Hester cư ngụ.

Sự bất an của gia đình Forsyte đã được chứng minh chỉ bằng việc nhắc đến chiếc mũ. Thật không thể nào và sai trái biết bao, nếu bất kỳ gia đình nào – với sự coi trọng hình thức vốn nên là đặc trưng của tầng lớp thượng lưu trung lưu vĩ đại – lại cảm thấy khác hơn là bất an!

Tác giả của sự bất an đang đứng trò chuyện với June bên cánh cửa phía xa. Mái tóc xoăn của anh ta rối bời, như thể chính anh ta thấy những gì đang diễn ra xung quanh thật khác thường. Anh ta cũng mang dáng vẻ như đang giữ một trò đùa bí mật nào đó cho riêng mình. George thì thảo với Eustace, anh trai mình:

– Trông hẩn như sắp chuồn mất rồi – tên Hải Tặc táo tợn!

“Người đàn ông trông rất kỳ dị” này, như bà Small sau đó gọi, có dáng người chắc nịch, tầm thước, với gương mặt nâu nhạt, bộ ria màu bụi, gò má cao và má hóp. Trán anh ta dốc ngược về phía đỉnh đầu, phồng lên thành những cục u trên mắt, giống những cái trán thấy ở Chuồng Sư tử trong Sở thú. Đôi mắt màu rượu sherry của anh ta đôi khi lại lơ đãng đến khó chịu. Người đánh xe ngựa của ông lão Jolyon, sau khi chở June và Bosinney đến nhà hát, đã nhận xét với người quản gia:

– Tôi chả biết phải nghĩ gì về hẩn ta nữa. Trông hẩn ta với tôi giống hệt một con báo chưa thuần hóa.

Và thỉnh thoảng lại có một người nhà Forsyte lén lút đi vòng quanh, ngắm nhìn anh ta.

June đứng phía trước, ngăn cản sự tò mò ấy – một cô gái nhỏ nhắn, như ai đó từng nói, “toàn tóc và tính khí”, với đôi mắt xanh gan dạ, quai hàm cứng cáp và nước da sáng; khuôn mặt và thân hình dường như quá mảnh mai so với mái tóc vàng ánh đỏ của cô.

Một phụ nữ cao ráo, vóc dáng cân đối – có người trong gia đình từng ví như một nữ thần ngoại giáo – đứng nhìn họ với nụ cười mơ hồ. Đôi tay nàng, đeo găng xám kiểu Pháp, đan vào nhau; gương mặt đoan trang, khả ái hơi nghiêng; và ánh mắt của mọi người đàn ông gần đó đều hướng về nàng. Má nàng chỉ phớt hồng, đôi mắt đen dịu dàng. Nhưng chính đôi môi nàng – khi hỏi, khi đáp, khi thoáng mỉm cười – mới là điểm cuốn hút: ngọt ngào, gợi cảm.

Cặp đôi đính hôn bị soi xét ấy lại không hề hay biết về “nữ thần” lặng lẽ này. Bosinney là người

đầu tiên chú ý đến nàng và hỏi tên. June đưa người yêu đến gần người phụ nữ có vóc dáng tuyệt mỹ.

– Irene là bạn thân nhất của tôi – cô nói. – Hai người phải quý mến nhau đây.

Theo lời cô tiểu thư nhỏ nhắn, cả ba cùng mỉm cười. Và trong lúc họ đang cười, Soames Forsyte, lặng lẽ xuất hiện từ phía sau Irene – chính là vợ anh ta – cất lời:

– À! Giới thiệu tôi với chứ!

Quả thực, hiếm khi Soames rời Irene trong những buổi họp mặt công cộng; và ngay cả khi bị chia cách bởi những đòi hỏi của giao tiếp, người ta vẫn thấy ánh mắt anh luôn dõi theo nàng, chứa đựng những biểu cảm kỳ lạ của sự canh chừng và khát khao.

Bên cửa sổ, cha anh, James, vẫn đang ngắm soi mảnh đồ sứ.

– Tôi lấy làm lạ tại sao Jolyon lại cho phép cuộc đính hôn này – ông nói với dì Ann. – Họ bảo với tôi rằng chúng chẳng có cơ hội cưới xin trong nhiều năm nữa. Cậu Bosinney trẻ tuổi này... – (ông cố tình nhấn mạnh âm tiết đầu, trái với cách phát âm thông thường) – chẳng có gì cả. Khi Winifred cưới Dartie, tôi đã bắt nó nộp từng đồng xu vào quỹ hôn nhân – thật may – nếu không thì giờ chúng đã chẳng còn gì!

Dì Ann ngẩng lên từ chiếc ghế nhưng. Những lọn tóc xoắn xám phủ trán bà, bất biến qua nhiều thập kỷ, đã xóa nhòa mọi cảm giác về thời gian. Bà không đáp, vì hiếm khi nói, giữ gìn giọng già nua của mình. Nhưng đối với James – với một lương tâm bất an – cái nhìn của bà đã đủ là một câu trả lời.

– Phải đấy – ông lẩm bẩm. – Tôi cũng chẳng thể làm gì với chuyện Irene không có của hồi môn.

Soames thì vội vàng quá, gầy rộc cả người vì cứ phải chiều theo cô ta.

Ông đặt cái bát lên đàn dương cầm với vẻ bực bội, rồi đưa ánh mắt lơ đãng về phía nhóm người cạnh cửa.

– Theo tôi, thế này cũng tốt thôi – ông bắt chọt nói.

Dì Ann không hỏi ông giải thích. Bà biết ông nghĩ gì. Nếu Irene không có tiền, cô ta sẽ không đại dốt mà làm điều sai trái. Bởi người ta nói – rằng cô từng đòi một căn phòng riêng; nhưng tất nhiên, Soames đã không đồng ý...

James ngắt dòng suy tưởng của bà:

– Nhưng mà, Timothy đâu? Cậu ấy không đến cùng họ à?

Một nụ cười dịu dàng thoáng nở trên môi mím chặt của dì Ann:

– Không, cậu ấy nghĩ không nên đi, vì bệnh bạch hầu đang hoành hành, mà cậu ấy thì dễ nhiễm lắm.

–Ồ, cậu ta biết giữ gìn sức khỏe thật – James đáp. – Tôi thì chẳng bao giờ chăm sóc mình kỹ như cậu ta.

Khó mà nói rõ trong câu ấy, đâu là sự ngưỡng mộ, đâu là ghen tị và đâu là khinh miệt.

Timothy quả thực rất ít khi xuất hiện. Là con út trong gia đình, một nhà xuất bản, ông đã ngửi thấy mùi trì trệ của nghề – khi công việc vẫn đang trên đà phát triển – và kịp bán cổ phần trong công ty chuyên in sách tôn giáo. Số tiền thu được, ông đem đầu tư vào công trái ba phần trăm. Hành động ấy ngay lập tức đặt ông vào vị thế khác biệt, vì không một Forsyte nào chịu chấp nhận lợi tức dưới bốn phần trăm cho đồng vốn của mình; và sự khác biệt đó, dần dần, đã làm suy yếu một tinh thần vốn

có lẽ được trời phú cho tính thận trọng đặc biệt. Ông gần như trở thành một huyền thoại – một biểu tượng của sự an toàn trong thế giới Forsyte. Ông chưa từng phạm sự khinh suất là kết hôn, cũng không ràng buộc vào con cái theo bất cứ cách nào.

James tiếp tục, gõ nhẹ món đồ sứ:

– Đây không phải là đồ Worcester cổ đâu. Chắc cô đã nghe Jolyon nói về chàng trai trẻ ấy rồi. Theo tôi biết, cậu ta chẳng có việc làm, chẳng có thu nhập, cũng chẳng có quan hệ nào đáng kể; nhưng rồi, tôi chẳng biết gì cả – không ai nói cho tôi biết điều gì.

Dì Ann lắc đầu. Một cơn run thoáng qua khuôn mặt vuông vức, già nua với sống mũi khoằm; những ngón tay gầy guộc đan chặt vào nhau, như thể bà đang âm thầm triệu gọi lại nghị lực. Là người lớn tuổi nhất nhà Forsyte, bà giữ một vị thế đặc biệt. Cơ hội chủ nghĩa và vị kỷ đều có, nhưng đáng

về cương trực của bà khiến mọi người e dè; và khi cơ hội quá hấp dẫn, họ chỉ còn cách tránh mặt bà.

James vất chéo đôi chân dài gầy guộc, nói tiếp:

– Ông già Jolyon sẽ làm theo ý mình. Ông ta không có con cái... – rồi chợt nhớ ra con trai, Jolyon trẻ, cha của June, kẻ đã tự làm hỏng đời mình vì bỏ vợ con theo bà gia sư ngoại quốc. – Ừ thì, nếu ông ấy thích làm những việc như thế, tôi cho là có đủ khả năng. Vậy, ông ta sẽ cho cô ta bao nhiêu? Tôi đoán là một ngàn bảng một năm; ông ta có ai khác để lại tiền đâu.

Ông đưa tay ra với một người đàn ông bánh bao, hầu như trọc đầu, chiếc mũi gầy dài, đôi môi dày và đôi mắt xám lạnh dưới hàng mày rậm.

– Chà, Nick, anh khỏe không? – ông lầm bầm.

Nicholas Forsyte, với vẻ nhanh nhẹn như chim và ánh nhìn tinh quái của một cậu học trò sớm già dặn (ông ta đã làm giàu hợp pháp từ các công ty

mình làm giám đốc), đặt những đầu ngón tay lạnh vào bàn tay lạnh kia rồi vội rút ra.

– Tôi khó ở – ông ta bĩu môi. – Cả tuần nay chẳng khỏe, đêm thì mất ngủ. Bác sĩ cũng chẳng biết vì sao. Tay ấy giỏi đấy, nếu không tôi chẳng mời, nhưng ngoài mấy cái hóa đơn thì tôi chẳng nhận được gì.

– Bác sĩ! – James nói, giọng sắc cạnh. – Tôi mời hết cả bác sĩ ở Luân Đôn cho người này người kia trong nhà. Chẳng có gì vừa ý cả; họ nói với anh bất cứ điều gì. Như Swithin đây này. Họ làm được gì cho cậu ta? Cậu ta vẫn thế, còn to lớn hơn trước. Nhìn cậu ta kìa!

Swithin Forsyte, cao lớn, vuông vức, ngực phồng như chim bồ câu xù lông trong chiếc áo gi-lê sáng màu, bước những bước vênh váo tiến lại gần.

– Ồ – anh khỏe chứ? – anh ta nói bằng cái giọng điệu kiêu cách, nhấn mạnh chữ “h” mà anh phát âm tròn trịa an toàn. – Anh khỏe chứ?

Mỗi người anh em thoáng khó chịu khi nhìn hai người kia, thừa biết rằng họ sẽ tìm cách lấn át bệnh tình của mình.

– Chúng tôi vừa nói – James lên tiếng – rằng cậu chẳng gây đi chút nào.

Swithin tròn tròn đôi mắt nhật để nghe cho rõ.

– Gây đi ư? Tôi đang khỏe mạnh – anh ta nói, hơi cúi người về phía trước – chứ không phải cò hương như anh!

Nhưng, sợ làm mất dáng ngực phồng, anh ta lập tức ngả lại tư thế bất động, vì chẳng có gì được anh ta coi trọng hơn một vẻ ngoài oai vệ.

Dì Ann đưa đôi mắt già nua nhìn từ người này sang người khác, với nụ cười kiên nhẫn, nghiêm

nghe. Lần lượt, ba anh em đáp lại ánh nhìn ấy. Dì đang yếu dần. Người phụ nữ tuyệt vời! Tám mươi sáu tuổi rồi, có thể sống thêm mười năm nữa, dù chưa bao giờ khỏe mạnh. Swithin và James, cặp song sinh, mới bảy mươi lăm, còn Nicholas chỉ là một “cậu bé” bảy mươi. Tất cả đều khỏe mạnh và điều đó thật an ủi. Trong mọi loại tài sản, sức khỏe của chính họ, dĩ nhiên, là thứ họ coi trọng nhất.

– Bản thân tôi thấy rất khỏe – James nói tiếp – nhưng thần kinh thì rối loạn. Chuyện nhỏ nhất nhất cũng khiến tôi lo lắng đến chết. Tôi sẽ phải đến Bath.

– Bath! – Nicholas nói. – Tôi đã thử Harrogate rồi, chẳng ích gì. Điều tôi cần là không khí biển. Không đâu bằng Yarmouth. Đến đó, tôi ngủ...

– Gan tôi rất kém – Swithin ngắt lời, chậm rãi.
– Đau khủng khiếp ở đây. – Ông đặt tay lên sườn phải.

– Thiếu vận động – James lẩm bẩm, mắt vẫn dán vào món đồ sứ. – Tôi cũng bị thế.

Swithin đỏ mặt, gương mặt già nua của ông bỗng giống như một con gà tây trống.

– Vận động! Tôi vận động nhiều lắm: tôi không bao giờ dùng thang máy ở Câu lạc bộ.

– Tôi không biết – James vội nói. – Tôi chẳng biết gì cả; không ai nói cho tôi biết điều gì...

– Anh làm gì khi bị đau ở đó? – Swithin hỏi.

James sáng hăn lên:

– Tôi đắp thuốc chườm hạt lạnh.

– Cháu chào bác ạ!

June đứng trước mặt ông, khuôn mặt nhỏ nhắn cương nghị ngược lên từ dáng người bé nhỏ của cô tới vóc dáng cao lớn của ông, tay chìa ra.

Vẻ rạng rỡ trên gương mặt James chợt tắt.

– Cháu khỏe không? – ông nói, ánh mắt trầm ngâm nhìn cô. – Vậy là ngày mai cháu đi Wales thăm gia đình chàng trai trẻ kia à? Cháu sẽ gặp nhiều mưa ở đó đấy. Cái này không phải đồ sứ Worcester thật đâu. – Ông gõ vào cái bát. – Bộ mà bác tặng mẹ cháu khi bà ấy lấy chồng mới là đồ thật.

June lần lượt bắt tay ba người bác lớn của mình, rồi quay sang dì Ann. Một vẻ dịu dàng thoáng hiện trên khuôn mặt bà cụ; bà hôn lên má cô gái với sự nồng nhiệt run rẩy.

– Ô, cháu yêu quý, vậy là cháu đi cả tháng trời đấy à!

Cô gái bước tiếp và dì Ann dõi theo dáng người nhỏ nhắn, mảnh mai ấy. Đôi mắt tròn màu xám thép của bà, nay đã phủ một lớp màng mỏng như mắt chim, nhìn cô đầy lưu luyến giữa đám đông đang nhộn nhịp, bởi mọi người bắt đầu chào tạm biệt.

Những đầu ngón tay bà vẫn miết vào nhau không ngừng, như đang chắt thêm sức mạnh cho ý chí của mình trước sự ra đi cuối cùng không thể tránh khỏi.

“Phải,” bà nghĩ, “mọi người đều rất tốt bụng; khá nhiều người đến chúc mừng con bé. Nó lẽ ra phải rất hạnh phúc.”

Giữa đám đông bên cửa – những người ăn vận chỉnh tề đến từ các gia đình luật sư, bác sĩ, từ Sở Giao dịch Chứng khoán và bao ngành nghề của tầng lớp trung lưu thượng đẳng – chỉ có khoảng hai mươi phần trăm là Forsyte. Nhưng với dì Ann, dường như tất cả đều là Forsyte; chắc chắn cũng chẳng có gì khác biệt. Bà chỉ thấy máu mủ ruột rà của mình. Đó là thế giới của bà – gia đình này – và bà không biết đến thế giới nào khác, có lẽ chưa bao giờ biết.

Những bí mật nhỏ nhặt của họ, bệnh tật, đính ước, hôn nhân, họ sống thế nào, liệu có kiếm được

tiền hay không – tất cả đều là tài sản của bà, là niềm vui của bà, là cuộc sống của bà. Ngoài ra, chỉ là một màn sương mờ ảo, mơ hồ về những sự kiện và con người không thực sự có ý nghĩa. Chính điều này bà sẽ phải buông bỏ khi đến lượt mình lìa đời. Chính điều này đã mang lại cho bà tầm quan trọng, cái tự phụ thâm kín mà nếu không có nó thì chẳng ai trong chúng ta có thể chịu đựng được cuộc sống. Và bà bám víu vào đó, luyến tiếc, với một lòng tham ngày càng lớn. Nếu cuộc đời đang tuột khỏi tay, thì ít nhất điều này bà sẽ giữ đến phút cuối.

Bà nghĩ đến cha của June, Jolyon trẻ, kẻ đã bỏ trốn cùng cô gái ngoại quốc. Một cú sốc đau buồn cho cha cậu ta và cho tất cả bọn họ. Một chàng trai trẻ đầy hứa hẹn như vậy! Nhưng may mắn là chẳng có vụ bê bối công khai nào, vì vợ Jo đã không đòi ly dị. Chuyện ấy đã xảy ra từ rất lâu! Sáu năm trước, khi mẹ của June qua đời, Jo cưới người phụ nữ đó, giờ họ đã có hai đứa con – bà nghe nói thế.

Nhưng như vậy, hắ đã đánh mất quyền có mặt ở đây, đã cướp đi ở bà niềm tự hào trọn vẹn về gia đình, tước đi niềm vui được nhìn thấy và hôn đưa cháu mà bà từng hết lòng kỳ vọng – một chàng trai trẻ hứa hẹn biết bao! Ý nghĩ đó vẫn âm ỉ, như một vết thương dai dẳng trong trái tim già nua và ngoan cường của bà. Một giọt nước mắt đọng ở khóe mi; bà vội dùng chiếc khăn lạnh mịn nhất lau đi.

– Chà, di Ann? – một giọng nói vang lên phía sau.

Soames Forsyte, vai xuôi, mặt nhẵn nhụi, má phẳng, eo thon, nhưng trong toàn bộ dáng vẻ vẫn phẳng phất sự tròn trịa bí ẩn, cúi xuống liếc nhìn di Ann, như cố gắng nhìn xuyên qua sống mũi của chính mình.

– Và di nghĩ sao về vụ đính hôn này? – anh ta hỏi.

Ánh mắt dì Ann dừng lại trên người cháu trai với niềm tự hào. Kể từ khi Jolyon trẻ rời bỏ tổ ấm, giờ đây Soames là người bà yêu quý nhất, vì bà nhận ra nơi anh một kẻ được ủy thác đáng tin cậy cho linh hồn gia tộc, vốn chẳng bao lâu nữa sẽ tuột khỏi tay bà.

– Tốt cho cậu trai trẻ ấy lắm, – bà nói. – Và cậu ta cũng đẹp mã. Nhưng ta e rằng cậu ấy không phải người yêu thích hợp cho June yêu quý của chúng ta.

Soames chạm vào gờ một chiếc lọ sơn mài vàng.

– Cô ấy sẽ thuần hóa được cậu ta, – anh nói, kín đáo làm ướt ngón tay, xoa lên những núm tròn trên lọ. – Đây là sơn mài cổ thật, bây giờ không kiếm đâu ra. Nó sẽ bán được giá ở buổi đấu giá của Jobson. – Anh nói với vẻ thích thú, như thể đang làm dì già vui lên. Hiếm khi anh tỏ ra thân mật như

vậy. – Chính tôi cũng muốn có nó. Sơn mài cổ bao giờ cũng có giá.

– Cháu thật tinh tường với những thứ này, – dì Ann nói. – Còn Irene yêu quý của dì thì sao?

Nụ cười của Soames vụt tắt.

– Khá ổn, – anh đáp. – Cô ấy than phiền mất ngủ. Cô ấy ngủ ngon hơn tôi nhiều. – Anh liếc sang vợ, đang trò chuyện với Bosinney ở cửa.

Dì Ann thở dài.

– Có lẽ sẽ tốt hơn nếu con bé không gặp June nhiều quá. Con bé June, tính nó kiên quyết lắm!

Soames đỏ mặt; những vệt đỏ lan nhanh trên đôi má phẳng của anh, tụ lại giữa hai hàng lông mày, in dấu những suy tư phiền muộn.

– Tôi không hiểu cô ấy thấy gì ở cái gã ba hoa chích chòe ấy, – anh buột miệng. Nhưng nhận ra họ

không còn ở riêng, anh quay lại, giả vờ chăm chú xem xét chiếc lọ sơn mài.

– Nghe nói Jolyon lại mua thêm một căn nhà, – giọng cha anh vang lên ngay cạnh đó. – Nó hẳn nhiều tiền đến mức chẳng biết tiêu vào đâu! Quảng trường Montpellier, người ta bảo thế, gần Soames! Chẳng ai nói với ta; Irene cũng chẳng bao giờ cho ta hay!

– Vị trí đắc địa, cách nhà tôi chưa đầy hai phút, – giọng Swithin cất lên. – Từ phòng tôi, tôi có thể đánh xe đến Cầu lạc bộ chỉ trong tám phút.

Vị trí nhà cửa quả là điều tối quan trọng đối với dòng họ Forsyte và điều đó cũng chẳng lạ, bởi toàn bộ tinh thần thành công của họ đều thể hiện ở đó.

Cha của họ, vốn xuất thân từ một gia đình nông dân ở Dorsetshire vào khoảng đầu thế kỷ, được những người thân gọi là “Forsyte Dosset Thượng đẳng.” Ông khởi nghiệp thợ đá, sau đó vươn lên

thành chủ thầu xây dựng. Gần cuối đời, ông chuyển đến London, tiếp tục sự nghiệp ấy cho đến khi qua đời, rồi được chôn cất tại Highgate. Ông để lại hơn ba mươi nghìn bảng cho mười người con.

Lão Jolyon, nếu có nhắc đến cha mình, chỉ nói gọn: “Một người đàn ông cứng nhắc, thô kệch; chẳng mấy tinh tế.” Quả thật, thế hệ Forsyte thứ hai không mấy tự hào về ông. Nét “quý tộc” duy nhất mà họ nhận ra là thói quen uống rượu Madeira.

Dì Hester, chuyên gia về lịch sử gia đình, mô tả:

“Dì chẳng nhớ ông ấy từng làm gì cả; ít nhất là trong thời của dì. Ông ấy – ờ – là người sở hữu nhà cửa, con yêu ả. Tóc ông ấy giống tóc chú Swithin của con; dáng người hơi vuông vức. Cao ư? Không, không cao lắm” (ông ấy cao khoảng một mét sáu lăm, mặt lăm tám tàn nhang), “một người đàn ông da dẻ hồng hào. Dì nhớ ông ấy uống rượu Madeira;

nhưng hãy hỏi dì Ann của con. Cha ông ấy là ai nhỉ? Ồ – có liên quan đến đất đai ở dưới Dorsetshire, ven biển.”

James từng đích thân xuống tận nơi xem xét cái vùng đất tổ ấy. Ông thấy hai nông trại cũ kỹ, một con đường xe bò lầy lội đất hồng dẫn xuống chiếc cối xay ven bờ biển; một nhà thờ nhỏ màu xám với bức tường có trụ chống và một nhà nguyện nhỏ hơn, cũng xám xịt. Dòng suối làm quay cối xay rách chảy ra thành nhiều nhánh nhỏ, trong khi lũ lợn bới bùn quanh cửa sông. Một màn sương ẩm thấp phủ lên khung cảnh. Men theo thung lũng ấy, với đôi chân lún trong bùn và khuôn mặt hướng ra biển, dường như những Forsyte nguyên thủy đã bằng lòng đi dạo Chủ nhật này qua Chủ nhật khác suốt hàng trăm năm.

Bất kể James có ấp ủ hy vọng về một khoản thừa kế, hay chờ đợi điều đặc biệt nào ở nơi ấy, thì ông vẫn trở lại London trong tâm trạng chán nản,

cố gắng tỏ ra lạc quan một cách gương gạo trước tình thế chẳng mấy hứa hẹn.

“Chẳng được tích sự gì từ cái đó đâu,” ông nói.
“Chỉ là một nơi quê mùa, cũ kỹ như quả đồi...”

Tuổi đời của cái nơi ấy được coi như một niềm an ủi. Ông Jolyon già, đôi khi buột ra những lời thành thật đến mức tuyệt vọng, thường nói về tổ tiên mình: “Nông dân tự canh – chắc chỉ là hạng xoàng.” Tuy nhiên, ông vẫn lặp lại chữ “nông dân tự canh” như thể nó đem lại cho ông sự khuây khỏa.

Người Forsyte đã làm rất tốt cho bản thân, đến mức tất cả đều được coi là “có địa vị nhất định.” Họ có cổ phần trong đủ mọi lĩnh vực, ngoại trừ – trừ Timothy – công trái, bởi không có gì khiến họ sợ hãi hơn việc phải để tiền sinh lời với lãi suất ba phần trăm. Họ cũng sưu tập tranh và ủng hộ những tổ chức từ thiện có thể đem lại lợi ích cho những người hầu cận ốm yếu của họ. Từ người cha – một

chủ thầu xây dựng – họ thừa hưởng tài năng về gạch và vữa. Ban đầu, có lẽ từng là thành viên của một giáo phái nguyên thủy nào đó, giờ theo lẽ tự nhiên, họ đều thuộc Giáo hội Anh và bắt vợ con đi lễ khá đều đặn ở những nhà thờ thời thượng của thủ đô.

Ý nghĩ nghi ngờ đức tin Cơ Đốc hẳn sẽ khiến họ vừa đau lòng vừa kinh ngạc. Một số người còn trả tiền mua chỗ ngồi trong nhà thờ, qua đó thể hiện sự đồng cảm với những lời dạy của Chúa Kitô một cách thiết thực nhất.

Những dinh thự của họ, nằm rải rác xung quanh công viên, canh giữ như những lính gác, e sợ rằng trái tim xinh đẹp của Luân Đôn này, nơi mà mọi khao khát của họ đều hướng về, sẽ tuột khỏi tầm tay, khiến họ đánh mất vị thế trong mắt chính mình.

Có cụ Jolyon ở Quảng trường Stanhope; nhà James ở Phố Park Lane; Swithin trong vẽ huy

hoàng cô độc của căn hộ màu cam và xanh dương tại Dinh thự Hyde Park — ông ta chưa từng kết hôn, đúng là ông ta — nhà Soames trong tổ ấm của họ gần Knightsbridge; nhà Rogers ở Vườn Hoàng tử (Roger là một Forsyte xuất chúng, người đã thai nghén và thực hiện ý tưởng hướng bốn người con trai theo một nghề mới. — Gom góp nhà đất, không gì bằng, — ông ta thường nói; — Ta chưa từng làm gì khác ngoài việc đó).

Rồi lại đến nhà Hayman — bà Hayman là người chị gái duy nhất trong gia tộc Forsyte đã kết hôn — trong một ngôi nhà cao chót vót trên Đồi Campden, có hình dạng như một con hươu cao cổ, cao đến nỗi khiến người ngắm nhìn phải vẹo cả cổ; nhà Nicholases ở Ladbroke Grove, một dinh thự rộng rãi và là một món hời lớn; và cuối cùng, nhưng không kém phần quan trọng, là nhà của Timothy trên Đường Bayswater, nơi Ann, Juley và Hester sống dưới sự che chở của ông.

Nhưng suốt lúc này James vẫn đang trầm ngâm và giờ ông hỏi người chủ nhà kiêm anh trai mình rằng ông đã trả bao nhiêu cho ngôi nhà ở Quảng trường Montpellier. Bản thân ông cũng đã để mắt đến một ngôi nhà ở đó trong hai năm qua, nhưng họ đòi hỏi một cái giá quá cao.

Cụ Jolyon kể lại chi tiết việc mua nhà của mình.

– Hai mươi hai năm thuê à? – James nhắc lại. – Chính là căn nhà tôi đang nhắm tới—ông trả giá cao quá rồi!

Ông lão Jolyon cau mày.

– Không phải là tôi muốn mua đâu – James vội vàng nói – với giá đó thì không hợp với tôi. Soames biết rõ căn nhà đó mà—nó sẽ nói với ông là quá đắt—ý kiến của nó đáng để nghe đây.

– Tôi – ông lão Jolyon nói – chẳng coi ý kiến của nó ra gì.

– Vâng – James lẩm bẩm – ông muốn làm gì thì làm—đó là một ý kiến hay. Tạm biệt! Chúng tôi sắp đi Hurlingham. Nghe nói Jun sắp đi xứ Wales. Ngày mai ông sẽ buồn lắm đấy. Ông định làm gì? Tốt hơn là đến dùng bữa tối với chúng tôi đi!

Ông lão Jolyon từ chối. Ông đi xuống cửa trước, nhìn họ lên xe ngựa mui trần và nháy mắt với họ, con bực tức đã tan biến—Bà James ngồi đối diện với ngựa, cao lớn và oai vệ với mái tóc nâu vàng; bên trái bà là Irene—hai người chồng, cha và con trai, ngồi phía trước, như thể đang mong chờ điều gì đó, đối diện với vợ mình. Nhìn theo cỗ xe nhún nhảy trên những lớp đệm lò xo, im lặng, lắc lư theo từng chuyển động, ông lão Jolyon dõi theo họ khuất dần dưới ánh nắng mặt trời.

Trong suốt chuyến đi, sự im lặng bị phá vỡ bởi bà James:

– Anh có bao giờ thấy một đám người kì quặc như thế này chưa?

Soames liếc nhìn bà dưới hàng mi, gật đầu và ông thấy Irene lén nhìn mình bằng một trong những cái nhìn khó hiểu của cô. Có lẽ hầu hết các nhánh của gia tộc Forsyte đều thốt ra câu nhận xét đó khi họ rời khỏi buổi “Tiếp khách tại gia” của ông Jolyon.

Trong số những vị khách cuối cùng ra về, hai anh em thứ tư và thứ năm, Nicholas và Roger, cùng nhau bước đi, hướng bước chân dọc theo công viên Hyde Park về phía ga Praed Street của tàu điện ngầm. Giống như tất cả những người Forsyte khác ở một độ tuổi nhất định, họ đều có xe ngựa riêng và không bao giờ đi xe thuê nếu có thể tránh được.

Ngày hôm ấy trời đẹp, cây cối trong công viên rục rỡ trong vẻ đẹp tròn vẹn của tán lá giữa tháng Sáu; dường như hai anh em không để ý đến hiện

tượng này, tuy nhiên, nó đã góp phần làm cho cuộc dạo chơi và câu chuyện của họ thêm phần hứng khởi.

– Phải, – Roger nói, – vợ của Soames là một phụ nữ xinh đẹp. Tôi nghe nói họ không hòa thuận.

Người anh em này có vầng trán cao và nước da tươi tắn nhất trong số những người Forsyte; đôi mắt xám nhạt của ông đo đạc mặt tiền của những ngôi nhà dọc đường và thỉnh thoảng ông lại giơ cây dù lên và “đo chiều cao”, như cách ông diễn đạt, của những tòa nhà cao thấp khác nhau.

– Cô ta không có cửa hồi môn, – Nicholas đáp.

Bản thân ông đã kết hôn với một người có rất nhiều tiền và may mắn thay, vì khi đó là thời hoàng kim trước khi có Đạo luật Tài sản của Phụ nữ Đã Kết hôn, ông đã có thể sử dụng số tiền đó một cách thành công.

– Cha cô ta làm gì?

– Họ Heron, một Giáo sư, tôi nghe nói vậy.

Roger lắc đầu.

– Nghề đó chẳng kiếm ra tiền, – ông nói.

– Họ nói cha của mẹ cô ta làm xi măng.

Mặt Roger sáng lên.

– Nhưng ông ta đã phá sản, – Nicholas nói tiếp.

– À! – Roger kêu lên. – Soames sẽ gặp rắc rối với cô ta; cứ nhớ lời tôi, cậu ta sẽ gặp rắc rối đấy – trông cô ta có vẻ gì đó nước ngoài.

Nicholas liếm môi.

– Cô ta là một phụ nữ xinh đẹp, – và anh ta phẩy tay ra hiệu cho một người quét đường.

– Làm thế nào mà cậu ta tóm được cô ấy nhỉ?

– Roger hỏi sau một lúc. – Chắc hẳn cậu ta phải tốn bọn tiền quần áo cho cô ta!

– Ann nói với tôi, – Nicholas đáp, – cậu ta gần như phát cuồng vì cô ấy. Cô ấy đã từ chối cậu ta năm lần. James, ông ấy lo lắng về chuyện này, tôi thấy rõ.

– À! – Roger lại nói. – Tôi rất tiếc cho James; ông ấy đã gặp rắc rối với Dartie.

Nước da hồng hào của ông càng thêm tươi tắn vì vận động, ông vung cây dù lên ngang tầm mắt thường xuyên hơn bao giờ hết. Khuôn mặt Nicholas cũng mang một vẻ hài lòng.

– Đối với tôi thì cô ta hơi xanh xao, – anh nói, – nhưng vóc dáng thì tuyệt vời!

Roger không trả lời.

– Tôi cho rằng cô ta trông rất quý phái, – cuối cùng ông nói – đó là lời khen ngợi cao nhất trong từ điển của dòng họ Forsyte. – Cậu Bosinney trẻ tuổi kia sẽ chẳng bao giờ làm nên trò trống gì. Ở Burkitt người ta nói cậu ta là một trong những gã

nghệ sĩ – có ý tưởng cải tiến kiến trúc Anh; nghề đó kiếm chả được đồng nào! Tôi muốn nghe xem Timothy sẽ nói gì về chuyện này.

Họ bước vào nhà ga.

– Cậu đi khoang nào? Tớ đi khoang hai.

– Không khoang hai với tớ đâu, – Nicholas nói,
– ai mà biết được cậu sẽ dính phải thứ gì.

Anh ta mua vé khoang nhất đến Notting Hill Gate; Roger mua vé khoang hai đến South Kensington. Chuyển tàu đến sau một phút, hai anh em chia tay và bước vào khoang tàu tương ứng của mình. Cả hai đều cảm thấy khó chịu vì người kia đã không điều chỉnh thói quen của mình để có thể ở bên nhau lâu hơn một chút; nhưng như Roger trầm nghĩ:

– Nick lúc nào cũng cứng đầu!

Và như Nicholas tự nhủ:

– Roger lúc nào cũng khó tính!

Gia tộc Forsyte chẳng mấy khi ủy mị. Trong cái Luân Đôn rộng lớn ấy, nơi họ đã chinh phục và hòa nhập vào, nào có thời gian đâu mà ủy mị?